

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLST- DS ngày 05-3-2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang K, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn T, chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng – Ngân hàng TMCP N, chi nhánh K.

Địa chỉ: Số 01 đường Phan Đình P, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1984 và bà Kim Thị Thanh M, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Nghĩa T, xã Kg, thành phố K, tỉnh K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn T, sinh năm 1953 (Đã chết ngày 25/4/2019).

- *Đại diện hợp pháp, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T (Đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan):*

1. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1955 (Vợ)

2. Anh Đào Thanh T, sinh năm 1980 (Con);

3. Anh Lê Thanh V, sinh năm 1986 (Con);

4. Anh Lê Thanh H, sinh năm 1987 (Con);

5. Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1989 (Con);

6. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1984 (Con).

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Nghĩa T, xã K, thành phố K, tỉnh K.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Về khoản tiền vay: Ông Lê Thanh T và bà Kim Thị Thanh M trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc, lãi tính đến ngày 13/6/2019 là 597.709.347 (Năm trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm linh chín nghìn ba trăm bốn mươi bảy ) đồng (Trong đó: Nợ gốc 515.000.000 đồng, nợ lãi 82.709.347 đồng) và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 14/6/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày 13/8/2019.

2.2 Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày 14/8/2019 và Ngân hàng TMCP N có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên mà ông Lê Thanh T và bà Kim Thị Thanh M

không trả được số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP N, thì Ngân hàng TMCP N được quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 11/08/NHNT ngày 11/8/2014 với Ngân hàng gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 03, tại thôn Trung Nghĩa T, xã K, thành phố K, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 922700, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00642 QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã K ( Nay là thành phố K), tỉnh K cấp ngày 30/8/2001 mang tên ông Lê Văn T và bà Phạm Thị S;

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 31 tờ bản đồ số 33, tại thôn Trung Nghĩa T, xã K, thành phố K, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG135966, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00093 do Ủy ban nhân dân thị xã K (Nay là thành phố K), tỉnh K cấp ngày 14/8/2006 mang tên hộ ông Lê Văn T và bà Phạm Thị S để thu hồi toàn bộ số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng TMCP N.

*Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2.3 Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Buộc ông Lê Thanh Tâm và bà Kim Thị Thanh M phải trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.4 Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Lê Thanh T và bà Kim Thị Thanh M phải chịu 13.954.186 (*Mười ba triệu chín trăm năm mươi tư nghìn một trăm tám mươi sáu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 13.200.000 (*Mười ba triệu hai trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001031 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- Đương sự;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lý Trọng Nguyên**

